

Bản án số: 16/2022/DS-ST  
Ngày: 26-4-2022  
V/v “*Tranh chấp HĐ mua bán  
thức ăn gia súc*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Minh Tấn
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Kim – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim The – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn T – chủ Hộ kinh doanh Đại lý H; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn H, sinh năm 1964 và bà Trần Ngọc N, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Minh K, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T. (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, nguyên đơn Huỳnh Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Đại lý H trình bày tóm tắt như sau:*

Anh Huỳnh Văn T là chủ Hộ kinh doanh Đại lý H, chuyên mua bán về thức ăn gia súc, gia cầm. Trong các năm 2017, 2018, vợ chồng ông Dương Văn

H, bà Trần Ngọc N có mua thức ăn gia súc tại Đại lý H. Trong quá trình thực hiện việc mua bán, có lúc vợ chồng ông H, bà N trả tiền mua hàng, có lúc nợ lại. Sau đó, hai bên có chốt nợ lại việc vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H số tiền 216.630.000đ. Hai bên có thỏa thuận là phía Đại lý H sẽ cho thời gian để vợ chồng ông H, bà N trả số nợ trên, nhưng phải trả thêm tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông H, bà N không thanh toán nợ gốc và lãi cho Đại lý H.

Nay anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà N phải trả lại cho ông Huỳnh Văn T – chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khoản tiền nợ mua thức ăn gia súc của các năm 2017, 2018 là 343.358.550đ. Trong đó nợ gốc là 216.630.000đ, tiền lãi từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2021 là 126.728.550đ ( $39 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 216.630.000\text{đ} = 126.728.550\text{đ}$ ).

Tại bản tự khai ngày 01/4/2022, anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H bổ sung thêm yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 216.630.000đ theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn Dương Văn H, Trần Ngọc N cùng thống nhất ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2022, được tóm tắt như sau:* Ông, bà thừa nhận có mua thức ăn gia súc của Đại lý H từ tháng 02/2017 đến ngày 26/6/2018 thì ngưng. Ngày 26/6/2018, Đại lý H đã chốt nợ xác định vợ chồng ông bà còn nợ lại Đại lý H số tiền 216.630.000đ. Tuy nhiên, việc chốt nợ này là có sự chưa chính xác, vì trước đó ông bà đã trả được 40.000.000 đồng, trong đó trả 20.000.000 đồng vào ngày 05/12/2017 và trả 20.000.000 đồng vào ngày 07/3/2018, nhưng chưa được trừ vào số tiền chốt nợ. Do đó, ông, bà chỉ đồng ý thanh toán cho anh Huỳnh Văn T – chủ Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền gốc còn nợ là 176.630.000đ, về phần tiền lãi thì không đồng ý trả.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Minh K trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2022, với nội dung tóm tắt như sau:* Chị là vợ của anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H. Chị xác định chỉ cần chồng chị là ông Huỳnh Văn T – chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện buộc ông Dương Văn H, bà Trần Thị Ngọc N trả nợ tiền mua thức ăn gia súc tại Đại lý H là đã đảm bảo quyền lợi của chị. Đối với ý kiến của vợ chồng ông H, bà N xác định việc chốt nợ ngày 26/6/2018 là chưa chính xác là không đúng. Bởi vì, khi chị ghi sổ để đưa cho bà N có ghi nhầm ngày mà bà N trả số tiền 20.000.000đ mỗi lần “từ ngày 15/12/2017 ghi thành ngày 05/12/2017” và “ngày 27/3/2018 ghi thành ngày 07/3/2018”, nên bà N mới nói vậy, chứ thật ra vào các ngày 05/12/2017 và ngày 07/3/2018, bà N không có trả cho Đại lý H số tiền mỗi lần là 20.000.000đ. Chính trong phần sổ theo dõi trả tiền do bà N viết và ký tên đã thể hiện rõ ngày 15/12/2017 bà N trả 20.000.000đ, ngày 27/3/2018 bà N trả 20.000.000đ, các khoản tiền này chị đã trừ ra khi chốt nợ vào ngày 26/6/2018. Do đó, số nợ gốc bà N, ông H còn nợ tính đến ngày 26/6/2018 vẫn đúng là 216.630.000đ.

*Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:*

*Anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H xác định:* Toàn bộ bản gốc các sổ mua bán, các tờ tính tiền nợ đối với vợ chồng ông H, bà N là do bên anh giữ. Ngày 26/6/2018, sau khi ông H sang nhà anh thanh toán số tiền 50.000.000đ cho vợ anh và ra về, thì vợ anh có tính lại toàn bộ khoản tiền nợ của vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H tính đến ngày 26/6/2018 là 216.630.000đ. Tuy nhiên, sau khi tính ra khoản nợ trên, thì anh cũng như vợ anh không có thông báo ngay cho phía vợ chồng ông H, bà N cũng như không có thực hiện việc đòi vợ chồng ông H, bà N phải trả nợ. Đến ngày 26/6/2019, vợ chồng anh mới đến nhà vợ chồng ông H, bà N thông báo về khoản nợ của của vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H tính đến ngày 26/6/2018 là 216.630.000đ và yêu cầu phải trả khoản nợ trên cùng khoản tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng của giai đoạn từ ngày 26/6/2018 đến 26/6/2019 là 12 tháng. Vợ chồng anh có giao cho vợ chồng ông H, bà N bản pho to các tờ tính tiền nợ tính đến ngày 26/6/2018 có phần nội dung yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, khi đó vợ chồng ông H, bà N không đồng ý về khoản nợ gốc là 216.630.000đ cũng như không đồng ý trả lãi, nên vợ chồng anh ra về. Đến đầu năm 2020, anh tiếp tục đến nhà vợ chồng ông H, bà N để thỏa thuận về việc trả nợ nhưng hai bên vẫn không thống nhất, bà N hứa trả nợ gốc nhưng không nói khi nào trả. Trong thời gian 03 tháng sau đó, anh có liên lạc qua điện thoại với bà N để đòi nợ, nhưng bà N cũng chỉ hứa trả, mà không thực hiện. Sau đó, do không liên lạc được với vợ chồng ông H, bà N để đòi nợ, nên anh mới khởi kiện ra Tòa án. Nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Dương Văn H, bà Trần Ngọc N phải trả lại cho anh Huỳnh Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền nợ gốc là 216.630.000đ và khoản tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính trên khoản nợ gốc từ ngày 26/9/2018 cho đến ngày xét xử.

*Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Trần Ngọc N thống nhất ý kiến trình bày:* Việc chốt nợ tính đến ngày 26/6/2018 là do vợ chồng anh T, chị K tự tính toán, không có sự thỏa thuận với vợ chồng ông bà. Đến ngày 26/6/2019, vợ chồng anh T, chị K mới đến nhà ông bà giao cho bản pho to các tờ tính tiền nợ tính đến ngày 26/6/2018 có phần nội dung yêu cầu tính lãi cho ông H. Sau đó, bà N có kiểm tra lại về khoản nợ gốc không đúng vì chưa trừ khoản tiền 40.000.000đ mà ông bà đã trả nên mới không đồng ý, cũng như không đồng ý việc tính lãi. Đến ngày 22/12/2020, vợ chồng anh T, chị K tiếp tục đến nhà ông bà để yêu cầu thanh toán tiền nợ, nhưng hai bên vẫn không thống nhất số nợ gốc, nên ông bà không đồng ý trả. Nay ông bà xác định chỉ còn nợ Đại lý H số tiền 176.630.000đ và đồng ý trả khoản tiền này. Đối với khoản tiền lãi, khi mua bán không có thỏa thuận việc phải trả lãi, việc vợ anh T ghi tiền lãi với mức lãi suất 1,5% trên tờ chốt nợ không có sự đồng ý của ông bà, nên ông bà không chấp nhận trả lãi.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến như sau:*

Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy

định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung các trang sổ mua bán do hai bên cung cấp cũng như sự thừa nhận của vợ chồng ông H, bà N, đã đủ cơ sở xác định tính đến ngày 26/6/2018 vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H số tiền 216.630.000đ, đây là khoản nợ từ việc mua bán hàng hóa là thức ăn gia súc trong các năm 2017, 2018. Do bên mua là vợ chồng ông H, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bên bán là anh Huỳnh Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà N phải trả số nợ gốc 216.630.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính trên khoản nợ gốc từ ngày 26/9/2018 cho đến ngày xét xử, thấy rằng: Khi các bên thỏa thuận mua bán, không có thỏa thuận phải trả lãi. Ngày 26/6/2019, khi bên nguyên đơn đến nhà bị đơn để thông báo về số nợ, đòi nợ gốc và lãi, thì phía bị đơn đã thể hiện ý kiến không đồng ý. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật đối với hợp đồng mua bán hàng hóa thì bên mua chậm trả tiền thì phải trả lãi, thời gian tính lãi được tính từ lúc bên mua chậm trả tiền, mức lãi suất do pháp luật quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H, bà N phải trả số nợ gốc 216.630.000đ và khoản tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Minh K vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Xét khoản tiền nợ mua thức ăn gia súc, gia cầm mà vợ chồng ông H, bà N còn nợ lại Đại lý H, thấy rằng: Căn cứ nội dung các trang sổ mua bán do hai bên cung cấp cũng như sự thừa nhận của vợ chồng ông H, bà N, đã đủ cơ sở xác định tính đến ngày 26/6/2018, vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H số tiền 216.630.000đ. Vợ chồng ông H, bà N cho rằng khi tính tiền nợ thì phía chị K (vợ anh T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H) chưa trừ đi khoản tiền 20.000.000đ mà ông bà đã thanh toán vào ngày 05/12/2017 và 20.000.000 đồng vào ngày 07/3/2018 là không phù hợp. Bởi lẽ, chính nội dung bản gốc sổ nợ có chữ ký của vợ chồng ông H, bà N mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, không thể hiện việc vợ chồng ông H, bà N có thanh toán cho Đại lý H khoản tiền 20.000.000đ vào ngày 05/12/2017 và 20.000.000 đồng vào ngày 07/3/2018, mà sổ nợ này thể hiện việc thanh toán khoản tiền 20.000.000đ vào ngày 15/12/2017 và

20.000.000 đồng vào ngày 27/3/2018, đúng như lời chị K trình bày và khi tính nợ, ghi trên tờ chốt nợ chị K đã ghi nhầm thành ngày 05/12/2017 và ngày 07/3/2018. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, tính đến ngày 26/6/2018, vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H số tiền 216.630.000đ là sự thật. Tuy nhiên, sau khi tính nợ vào ngày 26/6/2018, phía đại lý H không có thông báo ngay cho phía vợ chồng ông H, bà N về khoản tiền nợ, không có thực hiện việc đòi vợ chồng ông H, bà N trả nợ. Chỉ đến ngày 26/6/2019, vợ chồng anh T, chị K mới đến nhà vợ chồng ông H, bà N thông báo về khoản nợ mà vợ chồng ông H, bà N còn nợ Đại lý H tính đến ngày 26/6/2018 là 216.630.000đ và yêu cầu phải trả khoản nợ trên, cùng khoản tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng của giai đoạn từ ngày 26/6/2018 đến 26/6/2019 là 12 tháng. Tuy nhiên, khi đó, phía vợ chồng ông H, bà N đã thể hiện ý kiến không đồng ý trả nợ gốc cũng như tiền lãi. Từ đó, đủ cơ sở xác định ngày các bên phát sinh tranh chấp là 26/6/2019. Sau ngày 26/6/2019, phía vợ chồng ông H, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện vợ chồng ông H, bà N yêu cầu trả khoản nợ gốc 216.630.000đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi và mức lãi suất: Anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H cho rằng sau khi chốt nợ, hai bên có thỏa thuận phía Đại lý H sẽ cho thời gian để vợ chồng ông H, bà N trả số nợ trên nhưng phải trả thêm tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng ông H, bà N không thừa nhận. Theo nội dung sổ nợ mà anh T cung cấp cho Tòa án có nội dung: “*Mợ 10 đồng ý chịu lãi 1,5%/tháng*” nhưng đây là nội dung do chị K viết, không có nội dung nào cho thấy vợ chồng ông H, bà N đồng ý và ký tên xác nhận, nên không đủ cơ sở xác định các bên có thỏa thuận việc trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Do nguyên đơn không chứng minh được hai bên có thỏa thuận mức lãi suất 1,5%/tháng, nên căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm, tương ứng là 0,83%/tháng.

[2.3] Về thời điểm tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 26/9/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp. Bởi lẽ, như đã phân tích ở trên, thời điểm phát sinh tranh chấp được xác định là ngày 26/6/2019, cũng chính là ngày mà bên mua biết được khoản nợ gốc còn nợ mà bên bán yêu cầu phải trả, nên thời điểm tính lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày 26/6/2019 tức là ngày 27/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[2.4] Số tiền lãi được tính như sau:  $216.630.000đ \times 0,83\%/tháng \times 33$  tháng 29 ngày (từ ngày 27/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2022) = 61.073.051đ.

[2.5] Từ những phân tích trên, cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc vợ chồng ông H, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khoản tiền nợ gốc là 216.630.000đ, nợ lãi từ ngày 27/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ

thẩm ngày 26/4/2022 là 61.073.051đ. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 277.703.051đ.

[2.6] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến một phần khoản tiền lãi tương ứng thành tiền là: 78.653.299đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông H, bà N phải chịu án phí là 13.885.153đ. Anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H phải chịu án phí là 3.932.665đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H.

Buộc vợ chồng ông Dương Văn H, bà Trần Thị Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H khoản tiền nợ gốc là 216.630.000đ, nợ lãi từ ngày 27/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/4/2022 là 61.073.051đ. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 277.703.051đ.

**2.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H liên quan đến một phần khoản tiền lãi tương ứng thành tiền là: 78.653.299đ.

**4.** Về án phí: Buộc vợ chồng ông H, bà N phải nộp 13.885.153đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H phải nộp 3.932.665đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H đã nộp là 8.584.000đ theo biên lai thu số 0004126 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thi hành án phí, nên hoàn lại cho

anh Huỳnh Văn T - chủ Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 4.651.335đ.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Trần Văn Khánh**